

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2021

V/v ly hôn giữa chị Y và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Chính

Ông Nguyễn Đình Thọ

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 998/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hàn Châu Hải Y, sinh năm 1994; Cư trú tại: Hẻm A, đường TN (Tổ B, khu vực C, phường Quang Trung), thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Đình T, sinh năm 1992; Cư trú tại: Hẻm A, đường TN (Tổ B, khu vực C, phường Quang Trung), thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 -8-2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hàn Châu Hải Y trình bày: Chị và anh Trần Đình T kết hôn vào ngày 14/5/2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 28, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Kể từ ngày chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, đến

tháng 7/2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau nên không có tiếng nói chung, anh T có những lời lẽ xúc phạm hèn láo với cha mẹ chị, không tôn trọng gia đình chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn giữa vợ chồng và hai bên gia đình ngày càng trầm trọng. Đến tháng 7/2020 vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh T đã đánh chị và còn đe dọa chị, chị sợ nên đã ra ở riêng. Chị đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng được gia đình và Tòa án động viên hòa giải và cũng vì thương con còn nhỏ nên chị đã đồng ý rút đơn. Đến tháng 8/2020 anh T lại tiếp tục đe dọa chị và gia đình chị nên chị đã quyết định sống ly thân với anh T từ đó cho đến nay, phần ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên Trần Bảo Gia A, sinh ngày 09-6-2018, hiện sức khỏe cháu An vẫn bình thường và đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Trần Đình T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Hàn Châu Hải Y xin ly hôn anh Trần Đình T và giao con chung là cháu Trần Bảo Gia A cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Đình T, là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo qui định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Đình T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị Y, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 14/5/2018 do UBND xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định cấp đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Hàn Châu Hải Y và anh Trần Đình T là hôn nhân hợp pháp. Chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T vì mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng không có khả năng hàn gắn, hiện vợ chồng chị đã sống ly thân, tình cảm không còn, không ai còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh T đến Tòa để khai báo, hòa giải tạo điều kiện cho anh T hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T cố tình vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị Y và anh T không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, do đó hôn nhân giữa chị Y và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Y là có căn cứ, phù hợp theo qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung tên Trần Bảo Gia A, sinh ngày 09-6-2018, hiện nay sức khỏe cháu A vẫn bình thường và đang sống cùng với chị Y, chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu A còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của chị Y, mặt khác lâu nay cháu A sống cùng với chị Y đã ổn định tâm lý, tình cảm, do đó yêu cầu nuôi con chung của chị Y là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 buộc chị Hàn Châu Hải Y phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hàn Châu Hải Y được ly hôn với anh Trần Đình T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Trần Bảo Gia A, sinh ngày 09-6-2018 cho chị Hàn Châu Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Hàn Châu Hải Y phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002971 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn. Chị Y đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hàn Châu Hải Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trần Đình T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- UBND xã Ân Tường Tây,
H. Hoài Ân, T. Bình Định;
(ĐKKH số 28/14.5.2018)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Kim Anh